

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 31 - 7 - 2023

V/v tranh chấp dân sự
đòi tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hoàng; ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp dân sự đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ C, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 238, tổ 08, khóm Trà Sư, phường Nhà Bàng, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Bạch Y, sinh năm 1969; cùng cư trú: tổ 05, khóm Núi Két, phường Thới Sơn, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Cao Phúc L, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ 05, khóm Núi Két, phường Thới Sơn, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 06, khóm Thới Thuận, phường Thới Sơn, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm 2001; nơi cư trú: số 238, tổ 08, khóm Trà Sư, phường Nhà Bàng, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Bà Ngô Thị Đ, nơi cư trú: tổ 13, khóm Thới Hòa, phường Nhà Bàng, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị Hồng P, nơi cư trú: tổ 10, khóm Thới Hòa, phường Nhà Bàng, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- Ông Lữ Thanh V (N2), nơi cư trú: tổ 13, khóm Thới Hòa, phường Nhà Bàng, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ C (sau đây gọi tắt là bà C) trình bày: Khoảng năm 2019 - 2020, bà có chơi hụi do bà Lê Thị Bạch Y làm chủ nhưng sau đó bà Y bẽ hụi, không có tiền trả nên giữa bà với bà Y có lập biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020, có chữ ký, ghi họ tên của bà Y; theo đó, bà Y nợ bà số tiền 170.000.000 đồng. Thời gian sau, bà Y có nhiều lần trả cho bà được 34.000.000 đồng và còn nợ bà 136.000.000 đồng. Cùng tham gia chơi hụi với bà còn có các ông, bà Lữ Thanh V, Huỳnh Thị Hồng P, Ngô Thị Đ, những người này cũng bị bà Y nợ tiền hụi như bà; bà Y hiện đã đi khỏi địa phương. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Bạch Y trả 136.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 thể hiện người trả, người nhận có chữ ký và ghi họ tên Lê Thị Bạch Y, Phan Thị Mỹ C (bản chính).

Bà Lê Thị Bạch Y (sau đây gọi tắt là bà Y) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người làm chứng ông Cao Phúc L trình bày: Ông là chồng của bà Y, ông có biết việc bà Y làm chủ hụi, bà C có chơi hụi do bà Y làm chủ, có biết việc bà Y nợ tiền hụi bà C nhưng không biết nợ số tiền bao nhiêu (bút lục 19; 30-31).

Người làm chứng bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Bà có biết việc bà C chơi hụi của bà Y, biết việc bà Y nợ tiền hụi của nhiều người, trong đó có nợ bà C số tiền khoảng hơn 100.000.000 đồng; khoảng năm 2019 - 2020, bà Y bẽ hụi và đi khỏi địa phương (bút lục 30-31; 36-37).

Người làm chứng Lữ Thanh V (N2), Huỳnh Thị Hồng P, Ngô Thị Đ cùng trình bày: Các ông, bà là hụi viên trong dây hụi do bà Y làm chủ vào năm 2020, cũng trong năm 2020 bà Y bẽ hụi, đi khỏi địa phương, còn nợ tiền hụi của bà C và một số người khác trong đó có các ông, bà. Khi bà Y bẽ hụi, con bà Y tên Huyền có đứng ra nhận nợ và cam kết trả dần số tiền nợ cho các hụi viên nhưng chỉ trả được một ít và không thực hiện; về số tiền bà Y nợ bà C thì các ông, bà không biết cụ thể là bao nhiêu (bút lục 25-27).

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Mỹ N1 trình bày: Chị là con của bà C, có biết việc bà C chơi hụi của bà Y và bà Y còn nợ tiền hụi của bà C; chị là người viết biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020, viết 02 tờ biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 có nội dung hoàn toàn giống nhau, đều là bản chính. Bà C là người đem biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 lại nhà cho bà Y ký; việc bà Y ký, ghi họ tên vào biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 chị không chứng kiến; sau khi bà Y ký, ghi họ tên thì chị nghe bà C nói mỗi người giữ một bản (bút lục 21).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bà C cho rằng, sau khi ký biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 bà Y có nhiều lần trở về địa phương để ký tên chuyển nhượng tài sản chung của vợ chồng nhưng không công khai và không trả nợ cho bà, bà cũng không tìm gặp được bà Y để đòi nợ. Theo đó, bà C yêu cầu bà Y trả số tiền 136.000.000 đồng; ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thấy rằng: Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bà Y trả số tiền 136.000.000 đồng; tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 do bà Y ký tên xác nhận. Việc bà Y nợ tiền hui bà C còn phù hợp với lời khai của những người làm chứng trong vụ án; vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở chấp nhận.

Bà Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến để xem xét. Đối với việc bà C thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L, bà Y; trong vụ án này, ông L, bà Y không yêu cầu bà C trả lại nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà Y trả cho bà C 136.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Bạch Y trả tiền nợ hui. Bà Y đang cư trú trên địa bàn thị xã Tịnh Biên nên yêu cầu khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; người làm chứng Cao Phúc L, Phạm Thị Hồng N, Nguyễn Thị Mỹ N1, Ngô Thị Đ, Huỳnh Thị Hồng P, Lữ Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên, trước đó các ông, bà L, N, N1, Đ, P, V đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và người làm chứng L, N, N1, Đ, P, V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bà C xác định chỉ yêu cầu bà Y trả cho bà số tiền 136.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn bà C đối với yêu cầu buộc bà Y trả số tiền 136.000.000 đồng.

** Về nội dung:*

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Bà C yêu cầu bà Y trả 136.000.000 đồng. Bà C cho rằng, vào năm 2019 - 2020, bà có tham gia chơi hụi do bà Y làm chủ, sau đó bà Y bẻ hụi, các bên chốt nợ hụi với nhau vào ngày 24/3/2020 thể hiện bà Y nợ bà C 170.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ hụi, bà Y có trả nhiều lần được 34.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ lại 136.000.000 đồng.

Bà C cung cấp Biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020 có chữ ký, ghi họ tên Lê Thị Bạch Y tại mục người trả.

Ông Cao Phúc L (chồng bà Y) cung cấp, ông L có biết việc bà Y làm chủ hụi, bà C có chơi hụi do bà Y làm chủ, có biết việc bà Y nợ tiền hụi bà C nhưng không biết nợ số tiền bao nhiêu; bà Y đã đi khỏi địa phương.

Bà Phạm Thị Hồng N cung cấp, bà N có biết bà C chơi hụi do bà Y làm chủ hụi, biết việc bà Y nợ tiền hụi nhiều người trong đó nợ bà C khoảng hơn 100.000.000 đồng; khoảng năm 2019 - 2020, bà Y bẻ hụi và đi khỏi địa phương.

Người làm chứng Lữ Thanh V (N2), Huỳnh Thị Hồng P, Ngô Thị Đ cung cấp, ông V, bà P, bà Đ có cùng bà C chơi hụi do bà Y làm chủ hụi vào năm 2020, bà Y bẻ hụi, đi khỏi địa phương, còn nợ tiền hụi của bà C và một số người khác. Khi bà Y bẻ hụi, con bà Y tên Huyền có đứng ra nhận nợ và cam kết trả dần số tiền nợ cho các hụi viên nhưng chỉ trả được một ít và không thực hiện; về số tiền bà Y nợ bà C thì không biết cụ thể là bao nhiêu.

Theo Biên bản xác minh ngày 15/3/2023 do Tòa án lập, đại diện Ban áp Núi Két, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên (nay là khóm Núi Két, phường Thới Sơn, thị xã Tịnh Biên) cung cấp, bà Y có làm chủ hụi tại địa phương, khoảng năm 2019 - 2020 bà Y đi khỏi địa phương.

Theo Biên bản xác minh ngày 14/4/2023 do Tòa án lập, đại diện Công an phường Thới Sơn, thị xã Tịnh Biên cung cấp, bà Y có làm chủ hụi tại địa phương, khoảng năm 2019 - 2020 bà Y đi khỏi địa phương do bị bế hụi.

Như vậy, lời khai của bà C phù hợp với biên bản xác nhận nợ ngày 24/3/2020, thông tin do Ban khóm Núi Két, Công an phường Thới Sơn, người làm chứng ông Cao Phúc L, ông Lữ Thanh V (N2), bà Huỳnh Thị Hồng P, bà Ngô Thị Đ.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành Thông báo số 27/2022/TB-TA ngày 27/12/2022 yêu cầu bà Y cung cấp lời khai và giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Y không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định bà C có chơi hụi do bà Y làm chủ và bà Y còn nợ bà C số tiền 136.000.000 đồng.

Do bà Y vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà C khởi kiện yêu cầu bà Y trả tiền là phù hợp. Vì vậy, buộc bà Y trả cho bà C số tiền 136.000.000 đồng theo quy định tại Điều 158, khoản 1 Điều 166 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền lãi chậm thanh toán, bà C không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà C là 6.800.000 đồng.

Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí 3.400.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 158, khoản 1 Điều 166 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ C.

Buộc bà Lê Thị Bạch Y trả cho bà Phan Thị Mỹ C số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bạch Y phải chịu 6.800.000 (sáu triệu, tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Mỹ C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị Mỹ C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.400.000 (ba triệu, bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004486 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Mỹ C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Bạch Y được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung